TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02/2021/QĐ-PT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông Lại Huỳnh Tú
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Vân
Bà Trần Thị Tuyết Loan

Thư ký ghi biên bản: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 935/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào Điều 48, điểm h khoản 1 Điều 217, Điều 218 và Điều 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 122/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" giữa:

Nguyên đơn: Bà Th, sinh năm 1994
Địa chỉ: Đường M, phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của bà Th: TH1
Địa chỉ: Tòa nhà B đường A, phường Th, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà H, sinh năm 1994
Địa chỉ: đường D, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn kháng cáo ngày 25 tháng 10 năm 2020 của bà Th - nguyên đơn trong vụ án kháng cáo với nội dung:

Toà án nhân dân Quận F ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 122/TLST-DS ngày 17/02/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" với lý do "Người khởi kiện không cung cấp được địa chỉ của bị đơn theo yêu cầu của Toà án, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự" là không đúng căn cứ pháp luật, cụ thể:

Tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 04/NQ-HĐTP quy định như sau:

"3. Địa chỉ "nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở cuối cùng" của người bị

kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quy định tại điểm đ, e khoản 4 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là địa chỉ người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từng cư trú, làm việc hoặc có trụ sở mà người khởi kiện biết được gần nhất tính đến thời điểm khởi kiện và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh."

Căn cứ theo hồ sơ có trong vụ án, ngày 25/02/2020 Toà án nhân dân Quận F có Phiếu yêu cầu xác minh gửi Cơ quan Công an Phường E, Quận F, Tp. Hồ Chí Minh để xác minh địa chỉ của bà H và kết quả xác minh của Cơ quan Công an đã xác nhận rằng bà H có đăng ký tạm trú tại Đường D, Phường E, Quận F từ ngày 22/07/2019 đến tháng 12/2019. Như vậy, địa chỉ cư trú mà nguyên đơn cung cấp theo đơn khởi kiện có đủ căn cứ để được xem đó là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn mà nguyên đơn biết được gần nhất tính đến thời điểm bà Th khởi kiện theo khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 04 NQ-HĐTP.

Đồng thời khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP quy định như sau:

"2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở."

Hợp đồng Dịch vụ trọn gói số CE/HDDV ký ngày 16/08/2019 giữa bà Th và bà H thể hiện thông tin về địa chỉ của bà H là tại Đường D, Phường E, Quận F, Tp. Hồ Chí Minh. Trường hợp này vì nơi cư trú của bị đơn không gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng nên không có nghĩa vụ thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì thế trường hợp này nguyên đơn đã nêu rõ địa chỉ trong đơn khởi kiện khi nộp cho Toà án, tức là đã ghi "đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú" của bị đơn theo khoản 3 Điều 5 nêu trên nên Tòa án phải tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự đã được hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này như sau:

"2. Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ "nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở" của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015."

Từ những căn cứ trên cho thấy, việc Toà án nhân Quận F ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 935/2020/QĐST-DS ngày 28/09/2020 là không có cơ sở, không đúng quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng phúc thẩm căn cứ điểm c khoản 5 Điều 314 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tuyên hủy quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để tiếp tục giải quyết vụ án.

XÉT THẤY:

Về hình thức:

Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 935/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận F,Thành phố Hồ Chí Minh tống đạt hợp lệ cho TH1 (đại diện theo ủy quyền của bà Th) ngày 25 tháng 10 năm 2020.

Ngày 25 tháng 10 năm 2020, bà Th nộp đơn kháng cáo Quyết định đình chỉ vụ án dân sự nêu trên và đã tiến hành thủ tục nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Việc kháng cáo của bà Th nằm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Về nội dung:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 12 năm 2019, bà Th yêu cầu bà H, sinh năm 1994; địa chỉ: Đường D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh thanh toán cho bà số tiền còn lại của Hợp đồng dịch vụ trọn gói số CE/HDDV và các khoản chi phí phát sinh theo bản nghiệm thu sự kiện B là 82.584.550 đồng và tiền lãi chậm trả của số tiền chưa thanh toán là 2.056.255 đồng.

Hợp đồng Dịch vụ trọn gói số CE/HDDV ký ngày 16/08/2019 giữa bà Th và bà H thể hiện thông tin về địa chỉ của bà H là tại Đường D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: "Đương sự H có đăng ký tạm trú tại Đường D, Phường E, Quận F từ ngày 22/07/2019. Đến ngày 01/12/2019 đương sự H không còn cư ngụ tại địa chỉ trên đi đâu không rõ"

Do đó, địa chỉ của người bị kiện mà người khởi kiện cung cấp theo đơn khởi kiện là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của người bị kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định:

"1. Trường hợp trong đơn khởi kiện người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết này thì Tòa án phải nhận đơn khởi kiện và xem xét thụ lý vụ án theo thủ tục chung.

2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;"

Như vậy, theo kết quả trả lời xác minh của Công an Phường E, Quận F, về tình trạng cư trú của bà H thì trong trường hợp này thì được coi là bà H cố tình giấu địa chỉ và Tòa án nhân dân Quận F phải tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án nhân dân Quận F cho rằng "Người khởi kiện không cung cấp được địa chỉ của bị đơn theo yêu cầu của Toà án, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự" để từ đó ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 935/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 09 năm 2020 là không có cơ sở.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn, Hội đồng phúc thẩm xét kháng cáo chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận đơn kháng cáo của bà Th về việc hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 935/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận F và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận F để tiếp tục giải quyết vụ án.

Về án phí: Do hủy quyết định sơ thẩm bị kháng cáo nên bà Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào điểm c khoản 5 Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Th

1.1. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 935/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án thụ lý số 621/TLPT-DS ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cho Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm được giải quyết lại khi vụ án được giải quyết lại.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho bà Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/0032591 ngày 06/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định**.**

THẨM PHÁN	**THẨM PHÁN**	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**
Nguyễn Thanh Vân	**Trần Thị Tuyết Loan**	**Lại Huỳnh Tú**

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận F;
- Chi cục THADS Quận F;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (T/15).

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lại Huỳnh Tú